

Chuyên đề: VĂN XUÔI 1954 – 1975

Văn đề 1: *Nguyễn Tuân và Người Lái Đò Sông Đà*

“Chúng thủy giai đông tẩu
Đà giang độc bắc lưu”

Nguyễn Tuân

NGUYỄN TUÂN (1910-1987)

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

I. Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác

1/ Cuộc đời:

- Nguyễn Tuân sinh ngày 10 tháng 7 năm 1910 tại phố Hàng Bạc (Hà Nội) trong một gia đình nhà nho tài hoa.

- Thân sinh: Cụ Nguyễn An Lan (còn gọi là ông Tú Hải Vãn) đỗ khoa thi Hán học cuối cùng rồi đi làm viên chức nhỏ ở toà sứ các tỉnh dưới chế độ thuộc địa bất đắc dĩ. Cụ cùng gia đình đã sống nhiều ở các tỉnh miền Trung: Khánh Hòa, Phú Yên, Hội An, Đà Nẵng, Huế, Hà Tĩnh, nhất là Thanh Hóa.

- Thuở nhỏ, bắt đầu đi học Nguyễn Tuân học chữ Pháp. Khi học đến bậc trung học ở Nam Định, ông tham gia bãi khóa và bị đuổi học năm 1929.

- Vào làng văn khá sớm và ông sống hẳn với ngòi bút từ năm 1937 (thời kỳ Mặt trận dân chủ Đông Dương và phong trào đấu tranh công nông do Đảng lãnh đạo) cho đến khi ông mất ngày 28 tháng 7 năm 1987 tại Hà Nội, sau một cơn đau tim đột ngột.

2/ Sự nghiệp sáng tác:

a) Trước cách mạng tháng Tám:

- Là cây bút tiêu biểu cho làng văn xuôi lãng mạn thời kỳ phát triển cuối cùng.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Vang bóng một thời* (1940); *Tùy bút I* (1941); *Chiếc lư đồng mất của* (1941), *Một chuyến đi* (1941); *Tóc chị Hoài* (1943); *Tùy bút II* (1943)...

b) Sau cách mạng tháng Tám:

- Nguyễn Tuân đã sống những ngày đổi đời của dân tộc nên cũng như nhiều nhà văn khác, ông đã quyết tâm “lột xác” hòa mình vào cuộc sống rộng lớn của nhân dân.

- Năm 1946, chuyển đi đầu tiên của ông trong cuộc đời mới là tham gia đoàn sáng tác văn nghệ đi vào mặt trận Nam Trung bộ đánh Pháp.

- Năm 1948 lên đường ra Việt Bắc dự Đại hội văn hóa và Hội nghị văn nghệ toàn quốc. Ông được bầu làm Tổng thư ký đầu tiên của Hội Văn Nghệ Việt Nam.

- Trong kháng chiến chống Pháp, ông đã dự nhiều chiến dịch với bộ đội ở Tây Bắc, Đông Bắc, vào vùng sâu địch hậu Bắc Ninh để viết về du kích chống càn.

- Tác phẩm tiêu biểu: *Đường vui* (1949), *Tinh chiến dịch* (1950); *Tùy bút kháng chiến* (1955)...

- Trong kháng chiến chống Mĩ, ông đã đặt chân đến nhiều nơi tuyến lửa: Vĩnh Linh, cầu Hiền Lương, Quảng Bình... ngược sông Đà hiểm trở và ngang dọc khắp các miền Than Uyên, Quỳnh Nhai, Sơn La... để liên tiếp cho ra đời những bài tùy bút, bút ký nóng hổi tính thời sự và mang dấu ấn nghệ thuật độc đáo.

- Tác phẩm chính: *Sông Đà* (1960); *Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi* (1972); *Kí* (1976)...

II. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân:

Là một trong những cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam hiện đại, Nguyễn Tuân được chú ý đặc biệt về phong cách nghệ thuật. Tính độc đáo của phong cách đó được thể hiện qua nhiều phương diện:

1/ Khi sáng tác, Nguyễn Tuân hết sức nghiêm khắc với chính mình để có những trang văn thực sự có tính nghệ thuật mới mẻ, mang dấu ấn sáng tạo riêng. Ông luôn kiên trì quan điểm: đã gọi là văn thì trước hết phải là văn. Vì thế cách đặt câu, dựng đoạn của ông thường rất công phu, cũng như kho từ vựng của ông rất phong phú.

2/ Nét nổi bật khác trong phong cách Nguyễn Tuân là chất tài hoa, tài tử.

Trước cách mạng, nhiều lần ông tuyên bố bênh vực quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật, nhưng trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của mình, ông luôn thể hiện niềm tự hào dân tộc sâu sắc, sự tôn trọng, khâm phục những giá trị văn hoá cổ truyền của quê hương.

Tuy vậy, đôi lúc quá đà, chất tài hoa tài tử đó lại mang tính khoa trương, cường điệu. (Chiếc lư đồng mắt cua)

3/ Văn Nguyễn Tuân còn khác người ở tính uyên bác, ở bề rộng và chiều sâu văn hoá. Đó là kết quả của việc ông tích lũy tiềm lực tri thức trong suốt nửa thế kỷ sáng tạo nghệ thuật.

Đôi khi ông quá mê mải, sa đà vào khối lượng tri thức đó nên một số đoạn văn có phần nặng nề, khô khan, tạo cho người đọc cảm giác mệt mỏi. (Tuỳ bút “Sông Đà”).

III. Tập tuỳ bút “Sông Đà”

Đây là tác phẩm tiêu biểu cho giai đoạn sáng tác sau Cách mạng tháng Tám của Nguyễn Tuân. “ Nó nói rằng ngòi bút ấy đã đạt tới độ chín mới về tư tưởng và nghệ thuật”.

(Nguyễn Đăng Mạnh)

“...Đọc “Sông Đà” thấy Tổ quốc ta thật là giàu đẹp. Chỉ nói riêng Than Uyên có nào mỏ xi măng thiên tạo, mỏ thạch anh làm thuỷ tinh ngũ sắc và đồ sứ, mỏ than mỡ, mỏ lân tinh, mỏ đồng, mỏ chì...Cảnh Tây Bắc thì tuyệt đẹp, ở đâu tác giả cũng nổi hứng nghệ sĩ muốn cầm ngay giá vẽ mà vẽ. Núi lớp lớp mênh mông như biển, sông trắng xoá như từng khúc lụa tung trải ra, những thung lũng lúa chín vàng choé lên, trên đó mây trắng điểm lơ lửng như thêu nổi v.v.....

Nhưng “Sông Đà” không chỉ nói về đẹp thiên nhiên mà còn đi tìm vẻ đẹp của lòng người. Ông gọi đó là chất vàng mười của tâm hồn con người Tây Bắc. Ông ngược dòng lịch sử tìm chất vàng đó ở những chiến sĩ cách mạng kiên cường đã theo gương bất khuất ở nhà tù Sơn La, ở những cán bộ hoạt động bí mật hồi Tây Bắc bị giặc chiếm đóng, đã vượt qua những thử thách khủng khiếp để gây cơ sở cách mạng, ở những chiến sĩ quân đội, những anh chị em dân công hỏa tuyến quân vào Điện Biên...”

(Nguyễn Đăng Mạnh – “Sông Đà”

Trích “Nhà văn Tư tưởng và phong cách”

NXB Văn học – 1983)

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

Nguyễn Tuân

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Viết về sông Đà, Nguyễn Tuân không miêu tả một con sông theo lối văn tả cảnh thuần túy mà đó là một nhân vật hoạt động, có tính cách tâm trạng rất phức tạp như con

người. Nhà văn đã cho ta thấy hai tính cách cơ bản đó là “Con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình”. Tuy nhiên để dựng nên ,để hiểu được tính nét của nhân “vật” thiên nhiên này ,Nguyễn Tuân đã vận dụng rất nhiều các loại tri thức khác nhau như lịch sử ,địa lí , quân sự ,võ thuật, hội họa ,điều khắc ,điện ảnh ,thơ Đường , thơ Tản Đà ,...để quan sát ,mô tả hiện thực bằng nét bút tài hoa của mình .

1/ a) Sông Đà là một “Nhân vật có tính cách hung bạo” .

- Dòng sông rất dữ dội (bờ đá dựng vách thành, chẹt lòng sông Đà khiến nó hẹp lại, dòng sông như một cái hang, tối, sâu và lạnh). Tri thức điện ảnh trong việc mô tả hình ảnh có quan tâm tới mảng sáng tối từ mặt đất nhìn lên, từ một góc độ chếch ở cao nhìn xuống. Nó gây cảm giác mạnh: hơi lạnh, bóng tối, độ cao hun hút đến chóng mặt...

- Con sông luôn hung hăng, ưa gây sự. Nó luôn chờ đợi người lái đò sông Đà để giáng tai họa cho họ.

(*“Nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió...”*)

Những động từ mạnh, lặp lại và ken đặc nói đến sự tiếp diễn của hành động “xô” được diễn ra trên một không gian dài như con sông và hành động đó dữ dội không chỉ ở trong lòng mà cả trên mặt sông (*“Cuồn cuộn luồng gió gùn ghè...”*).

- Tính cách hung bạo của sông Đà được biểu diễn dữ dội ở những dòng thác “*lao dòng*” chặn đánh người lái đò.

Cong sông Đà “*thành ra diện mạo và tâm địa của một thứ kẻ thù số một*”. Nó hiện lên như một loài thủy quái khổng lồ vừa nham hiểm và hung dữ, vừa khôn ngoan và mưu trí. Lúc thì ẩn nấp mai phục, lừa đánh đòn du kích, khi thì vòng lại đánh kiểu vu hồi, khi thì xông xáo liều mạng, tổng tấn công tới tấp ở khắp bốn mặt. Và thật nham hiểm khi nó biết kết hợp đánh người lái đò cả trên mặt trận ngoại giao; khi thì oán trách van xin, khi thì “*khiêu khích, giọng gằn và chế nhạo*”, khi thì “*rống lên trong tất cả bấy nhiêu cái luồng gập đữ*”, “*reo như đụn sỏi*”, “*muốn hất tung đi một cái thuyền*”. Khi thì hò la, gầm thét vang động núi rừng “*Mặt nước hò reo la vang dậy “ùa vào” như thể “quân liều mạng”, “đánh những đòn hiểm độc nhất*”.

Quả thật con sông như một sinh thể thật sự. Trí tưởng tượng tạo hình của tác giả quan sát rất kỹ lưỡng và chính xác, tác giả cung cấp những kiến thức rất phong phú và không tùy tiện, đồng thời sử dụng ngôn ngữ điêu luyện, sinh động.

b) Sông Đà là một “nhân vật” có tính cách trữ tình:

- Tác giả hình dung nó như một người đàn bà kiều diễm.

+ “*Sông Đà như một áng tóc mun dài ngàn ngàn vạn vạn sợi*”.

+ “*Sông Đà luôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo*” ...

+ Sông Đà có “*luồng em*” “*đằm địu*” muôn đời êm “*sông nước thanh bình*”.

- Sông Đà được nhìn qua làn mây mùa xuân, ánh nắng mùa thu. Tác giả theo dõi những biến của màu sắc. Khi “*lừ lừ chín đỏ*” khi “*dòng xanh ngọc bích*”.

- Sông Đà thật mỹ lệ, có thể *gợi cảm hứng* cho nghệ thuật, gợi cảm xúc riêng biệt cho mỗi người khi tiếp xúc với tính cách trữ tình của nó: Nó có chất Đường thi cổ điển, cái lặng lẽ của nó gợi nhớ một quá khứ xa xăm từ thời Lí, Trần, Lê, nó “*lừng lờ nhớ thương*” và “*đang lắng tai nghe*” với dáng vẻ rất dịu dàng, ủy mị và thâm kín.

Con sông ấy gợi nhớ cố nhân, gợi nhớ cái “hoang đại”, “hồn nhiên như một niềm cổ tích tuổi xưa”.

Đặc biệt hình ảnh con nai ngơ ngác như nghe thấy một tiếng còi sương... đó là một âm thanh vắng trong tưởng tượng đã gợi cái tình lặng hoang dã của sông Đà. Thật là *một liên tưởng thật độc đáo và thú vị.*

2/ Nhân vật người lái đò Sông Đà:

- Nhân vật người lái đò được Nguyễn Tuân nhìn như là đối tượng của cái Đẹp. Nó lấp lánh ánh sáng của người tài hoa nghệ sĩ. Theo Nguyễn Tuân, không cứ gì cứ là người hoạt động ở các ngành nghệ thuật họ mới là kẻ tài hoa nghệ sĩ. Mà những con người xung quanh chúng ta biết tôn trọng cái Đẹp đều có thể ứng xử Đẹp và tự giác sáng tạo ra cái Đẹp. Những người uống trà trong sương sớm, những kẻ biết thưởng thức thức “*hương cuối*”... đều là những nghệ sĩ tài hoa. Và do vậy “*Người lái đò sông Đà*” là người lái đò – nghệ sĩ. Chờ đò, lái đò là cả một nghệ thuật cao cường và đầy tài hoa.

Nghệ thuật ở đây chính là nó đã nhập thân vào người lái đò cả phương diện hình thức lẫn tính cách. “*Trên thác hiên ngang một người lái đò sông Đà có tự do, vì người lái đò ấy nắm được qui luật tất yếu của dòng sông Đà*” (tr. 154).

Hình ảnh người lái đò sông Đà được Nguyễn Tuân dựng tượng khiến cho ta như sờ mó được. Bức tượng ấy không phải là con người chung chung mà nó tạo dáng hết sức riêng biệt không thể đặt tên gì khác hơn là “*người lái đò sông Đà*”. Bức tượng hắt chiếu ra tính cách bên trong của con người này.

“*Tay ông dài lâu ghê như cái sào, chân ông lúc nào... nhõn giới ông với vợ như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào đó trong sương mù*” (tr. 146)

- Để làm nổi bật tài nghệ của ông lái đò, Nguyễn Tuân đã sáng tạo ra một cuộc vượt thác của ông như là một viên tướng ngày xưa lao vào một trận đồ bát quái của Khổng Minh với biết bao nhiêu cạm bẫy, hết vòng này đến vòng khác, và mỗi vòng, đá trên thác sông Đà đều có những viên tướng mưu trí và gian thâm chỉ huy.

Để áp đảo “*kẻ địch*” dám “*quân thác đá*” còn nổi trống chiêng la hò dữ dội “*Rống lên như ngàn con trâu mộng đang lồng lộn... rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu cháy bùng bùng*” (tr. 151)

Thật là một liên tưởng hết sức bất ngờ. Đây là lối liên tưởng thật độc đáo, nối kết hai sự kiện rời nhau dường như chúng không có sự tương đồng. Câu chuyện nói về “*nước*” lại được liên tưởng với “*lửa*”. Câu chuyện nói về “*đá thác*” ở đây là liên tưởng tới “*đàn trâu*” và “*rừng bị cháy*”. Nếu không có phong cách tài hoa táo bạo của Nguyễn Tuân khi xử lý những hiện tượng trên sẽ gây ra khắp khiêng, phi lôgic. Đoạn văn dựng cảnh đầy giá trị tạo hình, nó như một cuốn phim quay cận cảnh và dựng lại đặc tả các chi tiết (chính Nguyễn Tuân đã có ý định sử dụng vốn văn hóa về môn nghệ thuật thứ bảy này để dựng cảnh, dựng truyện: “*Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim... những thước phim màu cũng quay tít... cái phim ảnh thu được...*” (tr. 151)

Ta cũng lưu ý thuật kể đầy hồi hộp, đầy kịch tính căng thẳng, vốn tri thức về quân sự và võ thuật được đưa ra ứng dụng. Quả là “*ông lái đã nắm chắc được binh pháp của thần sông, thần đá. Ông đã thuộc qui luật phục kích của lũ đá..., Ông đã “cưỡi” lên thác sông Đà: “Nắm chặt lấy cái bờm sóng”, “bám chắc lấy luồng nước” lúc “phóng nhanh” lúc “lái miết”, nhờ mặt bọng đá “đưa thì ông tránh” “đưa thì ông dè xấn lên”...*

Ông lái đò quả là vị tướng đầy thao lược tài ba.

Ông đang trình diễn nghệ thuật của mình với qui luật thiên nhiên khắc nghiệt. Nếu thiếu một chút bình tĩnh, thiếu một chút chính xác, ông phải trả giá bằng mạng sống của mình.

Nguyễn Tuân quả là ưa khai thác những cảm giác mạnh để tác động những ấn tượng không phai mờ trong tâm não của độc giả!

Qua nhân vật người lái đò, Nguyễn Tuân cho rằng chủ nghĩa anh hùng đầu phải tìm kiếm đầu xa lạ. Nó có trong cuộc sống tìm miếng cơm manh áo của nhân dân lao động đầy thối. Những người bình dị có trí dũng tài ba họ có thể viết nên những thiên anh hùng ca, có thể tạo hình tạc mẫu cho nghệ thuật. Họ là đối tượng của cái đẹp, của ánh sáng thẩm mỹ mới.

3/ Phong cách Nguyễn Tuân nổi rất rõ trong bài tùy bút đó là:

a) Cảm hứng đặc biệt đối với những gì gây cảm giác mạnh.

b) Nhìn cảnh vật con người ở phương diện cái Đẹp.

c) Đầy ắp những tri thức uyên bác của các ngành.

d) Viết phóng túng với ngôn ngữ giàu có và điêu luyện.

- Chúng ta có thể thấy những từ dùng:

* “*Nhơn giới ông vùi vùi*” (tr. 146)

* “*Ông dò... mặt méo bệch đi*”... (tr. 152)

* “*Thác... hồng học tế ...*” (tr. 153)

- Đặc biệt là những liên tưởng độc đáo thông qua so sánh.

* “*Vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng*” (Tr. 155)

* “*Đằm thắm, đằm ắm như gặp được cổ nhân*” (Tr. 156)

- Việc sử dụng từ ngữ chính xác điêu luyện.

Khai thác nước thị uy để đe dọa người lái đò thì Nguyễn Tuân dùng từ “*hò la*”, “*Mặt nước hò la vang dậy*” (Tr. 152)

Khi “*Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền*” thì “*chỉ còn vắng tiếng reo hò của sóng thác nguồn sinh*” (tr. 153) chỉ thay có một thành tố “*la*” và “*reo*” mà diễn đạt được chính xác điều cần nói!

B. LUYỆN TẬP:

ĐỀ 1: Phân tích hình ảnh *thiên nhiên* và con người qua “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân để qua đó thấy được phong cách nghệ thuật của tác giả.

*** Bài làm**

Hiếm ai có được một nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và con người như Nguyễn Tuân, một cây bút tiêu biểu của văn xuôi Việt Nam hiện đại. Đó là một nghệ thuật miêu tả rất tinh vi, sắc sảo, và đầy tài hoa. Điều đó được thể hiện rất rõ trong các tác phẩm của ông, tiêu biểu là đoạn “Người lái đò Sông Đà” trích từ tập tùy bút “Sông Đà” viết năm 1960.

Đi sâu tìm hiểu nghệ thuật miêu tả độc đáo của Nguyễn Tuân trong “Người lái đò Sông Đà”, ta không những thấy hết những nét đẹp độc đáo của thiên nhiên và con người Sông Đà qua ngòi bút “trăm màu của ông, mà còn cảm nhận được bề sâu tình cảm và con người nơi “miền sông” đó.

* Trước hết nhân vật “thiên nhiên” Sông Đà. Ta gọi là “nhân vật” vì qua nét bút Nguyễn Tuân, Sông Đà hiện lên như một con người thực thụ, với tất cả những cảm xúc, tính khí phức tạp. (Nhà văn luôn viết hoa hai chữ Sông Đà)

Sông Đà của Nguyễn Tuân không chỉ được miêu tả như những con sông bình thường, những con sông mà khi nhắc đến chỉ làm ta liên tưởng đến nước, hoặc nhiều lắm là dòng chảy, màu sắc dòng sông v.v... Không! Sông Đà của Nguyễn Tuân đặc biệt hơn nhiều! Nó là một tổ hợp của cát, bờ, của gió, của đá, của thạch trận và của nước, mỗi yếu tố trên con Sông Đà đều được Nguyễn Tuân miêu tả rất chi tiết. Mỗi cái có một tư thế riêng, tưởng như nó sinh ra là chỉ để gắn với Sông Đà, để góp phần tạo nên hai tiếng “Sông Đà” với đầy đủ tính chất và ý nghĩa của nó. Khi “quan sát” Sông Đà của Nguyễn Tuân trong từng lời văn ta thấy hiện lên một con sông với hai tính cách hoàn toàn mâu thuẫn nhau: rất hung bạo nhưng rất trữ tình.

Cái độc đáo của Nguyễn Tuân là ông có cái nhìn hết sức tinh vi và đặc sắc về mọi sự vật, từ những cái bé nhỏ nhất mà ít ai để ý nhất. Chẳng hạn như cát. Cát là vật bình thường, nhưng cát Sông Đà của ông thì “nó đục thủng gan bàn chân lỗ rỗ như những vết hà đục thủng đáy và mạn dưới các thuyền gỗ”. Bờ cát cũng có đặc điểm riêng của nó, ông miêu tả thiên nhiên có đầy đủ màu sắc, đường nét, âm thanh sống động nhất – vận dụng cách quan sát của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau, từ hội họa, thi ca đến điêu khắc, âm nhạc, điện ảnh. Lúc thì rất hội họa: “Mùa Xuân dòng xanh ngọc bích chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh hến của sông Gâm, sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm vì rượu bữa...” Lúc lại rất tạo hình và giàu chất thơ: “Con Sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình”.

“Áng tóc trữ tình”! Ngôn ngữ văn chương của Nguyễn Tuân thật đặc sắc. Cái nhìn của ông cũng thế. Con sông Đà không phải là “một áng tóc trữ tình” sao được khi “đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”. Một áng tóc mà có cả mây trời; có cả màu đỏ của hoa gạo, màu trắng của hoa ban, và quện vào khói, chất trữ tình là ở chỗ đó. Cái hay của Nguyễn Tuân là ông quan sát không chỉ tinh vi mà còn ở nhiều góc độ, ở nhiều thời điểm và trong nhiều trạng thái. Ở quãng trước “nước Sông Đà reo lên như cơn sôi”. Ở quãng khác, dòng sông lại “lững lờ như nhớ thương”. Chính vì thế mà thiên nhiên của ông trở nên độc đáo, trở thành thiên nhiên của Nguyễn Tuân. Cộng thêm vào đó là ngòi bút tài hoa và lãng tử của ông nữa. Từng lời, từng chữ được nhà văn cân nhắc, trau chuốt kĩ lưỡng và công phu. Nếu chỉ có óc quan sát, có cảm xúc không thôi mà không có kiến thức sâu rộng và tài viết thì không thể nào có được những áng văn miêu tả thiên nhiên độc đáo và gợi cảm đến thế.

* Đoạn tùy bút “Người lái đò Sông Đà” miêu tả thiên nhiên rất độc đáo và rất dài, nhưng có lẽ cái thiên nhiên đó thể hiện lên chỉ làm nền cho hình ảnh con người mà thôi. Thiên nhiên càng hùng vĩ bao nhiêu, dữ tợn bao nhiêu, hiền hòa bao nhiêu thì con người trong thiên nhiên đó càng kiên cường, anh dũng và tài hoa, thơ mộng bấy nhiêu.

Hãy nhìn ông lái đò “Tay ông lêu nghêu như cái sào, chân ông lúc nào cũng luỳnh khuỳnh ghì lại như kẹp lại một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông, nhỡn giới ông vọi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa xa trong sương mù”.

Tất cả đều là những hình ảnh rất mạnh, rất độc đáo. Các chữ đều tượng hình sắc nét. Cả âm thanh cũng như như trào lên qua nhiều từ lấy nối liền nhau.

Với nghệ thuật so sánh tài tình phong phú. Nguyễn Tuân cho ta thấy hết được các tư thế dũng cảm của người lái đò Sông Đà, và đặc điểm riêng biệt của ông không thể phân biệt với ai. Hiểu biết của ông lái đò càng đáng khâm phục hơn nữa: “Trí nhớ của ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đinh vào tất cả những luồng nước của tất cả con thác hiểm trở”. Lái đò ở miền cao thì cần xào chống..., lái đò miền xuôi thì cần buồm... Hình ảnh người lái đò được Nguyễn Tuân hun đúc không chỉ bằng lời văn tài hoa nhiều màu vẽ mà còn bởi bề sâu kinh nghiệm và hiểu biết mà ông thu lượm được. Ông lái đò qua ngòi bút Nguyễn Tuân hiện lên như một vị dũng tướng trước trận thế của đá, trước những luồng nước hung dữ, trước những cơn reo, nước rống.

Thế nhưng ông đã cưỡi lên thác Sông Đà, cưỡi lên hổ và bao giờ cũng chiến thắng. Miêu tả thiên nhiên để từ đó nổi bật lên hình ảnh con người, miêu tả sự vất vả, can trường của con người chống chọi với sông nước để tái hiện thiên nhiên bí hiểm, hung dữ. Để đạt được như thế phải là một cây bút tài hoa, uyên bác.

Nhưng nếu chỉ có một vốn kiến thức sâu rộng, một óc quan sát tinh vi và một ngòi bút tài năng không thôi thì Nguyễn Tuân không thể tả được một “Sông Đà” với thiên nhiên và con người sinh động và gợi cảm như thế. Thêm vào đó là một tấm lòng gắn bó với thiên nhiên và con người sâu sắc. Chính vì yêu cuộc sống, thiên nhiên và con người của đất nước mà Nguyễn Tuân đã lặn lội lên Tây Bắc để rồi hứng khởi viết tập tùy bút “Sông Đà”. Và chính vì tấm lòng dạt dào yêu thương đó ông đã cho người đọc thưởng thức những dòng văn biến hóa linh hoạt rất mạnh mẽ nhưng rất tinh cảm. Tình yêu thiên nhiên sâu sắc đã khiến ông nhìn con Sông Đà như một người có cá tính, có linh hồn và có cả tâm trạng, lúc “ặc ặc giận dữ”, lúc “oán trách”, lúc “van xin”, rồi lại như khiêu khích, giọng gằn và chế nhạo. Ông đã viết “Con Sông Đà gợi cảm”, ông nhìn Sông Đà đầm ấm như một cố nhân và trông con sông mà “Vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng”.

Nguyễn Tuân say mê trong những dòng cảm xúc miên man về việc khai thác những vẻ đẹp của người lái đò Sông Đà, cả về hình dáng lẫn tài năng. Không phải ngẫu nhiên mà ông ví cái “vết bầm lên một khoanh củ nâu trên ngực vú, bả vai người lái đò là cái đồng tiền tụ máu là hình ảnh quý giá của một thứ huân chương lao động siêu hạng tặng cho người lái đò Sông Đà”. Sự ví von đó không chỉ thể hiện tài hoa của Nguyễn Tuân trong nghệ thuật so sánh, sự độc đáo trong trí tưởng tượng phong phú, mà còn là một biểu hiện tình cảm sâu sắc đối với nghề lái đò âm thầm mà cực kỳ gian truân của người lái đò Sông Đà.

* Qua bài “Người lái đò Sông Đà”, ta thấy được rất rõ nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và con người của Nguyễn Tuân. Trong mỗi trang viết, ông luôn chứng tỏ nét tài hoa và uyên bác của mình. Vì vậy, mỗi nhân vật của Nguyễn Tuân, từ “nhân vật” thiên nhiên đến “nhân vật” con người, dù người lái đò bình thường đi chăng nữa cũng mang một cái gì đó rất thơ mộng, rất nghệ sĩ.

Những quan sát, suy nghĩ, xúc cảm của ông rất tinh vi nhưng cũng rất chân thật, xuyên suốt cả tác phẩm là lời văn mạnh mẽ, dữ dội và đầy chiều sâu kiến thức lẫn chiều sâu của ngôn ngữ văn chương. Có điều, đôi khi ông quá mê mải, sa đà vào khối lượng trí thức ngôn ngữ, sa đà vào việc tủa tủa văn chương, đã làm một số đoạn văn trở nên nặng nề, khô khan và tản mạn.

Lấy người lái đò làm nhân vật chủ thể của câu chuyện về con Sông Đà, nhà văn bộc lộ cảm nghĩ, nghe nhìn, quan sát, nghiền, ngẫm và sáng tạo của mình, qua “Người lái đò Sông Đà”, người ta luôn bắt gặp những lớp từ ngữ phong phú, những hình ảnh ví von độc đáo, bất ngờ. Bài viết cho ta cảm giác Nguyễn Tuân muốn đua tài năng viết văn của mình với vẻ đẹp tạo hóa, của thiên nhiên và con người. Chính vì thế mà Sông Đà trong văn chương ông vừa là Sông Đà hiện thực, vừa là Sông Đà nghệ thuật mang tình yêu của Nguyễn Tuân.

(Bài làm học sinh)

ĐỀ 2: Bình giảng đoạn văn sau đây trích trong bút kí Người lái đò Sông Đà của Nguyễn Tuân:

“Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng lẽ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng lẽ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịch không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa. Chao ôi, thấy thêm được giật mình vì một tiếng còi xúp – lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ – Yên Bái – Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ đừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi mình bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?” Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vụt biến. Thuyền tôi trôi trên “dải Sông Đà bọt nước lành – bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tân Đà). Dòng sông quãng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.

*** Gợi ý làm bài**

Người lái đò Sông Đà là một bút kí rất đặc sắc của Nguyễn Tuân rút từ tập Sông Đà (1960). Hình ảnh con sông Đà với hai đặc tính nổi bật là “hung bạo và trữ tình” đã được khắc hoạ thật đậm nét. Để có thể khách thể hóa được đối tượng và “đóng đinh” nó vào trí nhớ độc giả, Nguyễn Tuân đã tung ra nhiều “độc chiêu” ngôn ngữ tưởng chỉ mình ông mới có. Khi miêu tả những con thác vô cùng “độc dữ, nham hiểm”, câu văn của ông mang nhịp điệu dồn dập, kích thích. Nhưng khi ca ngợi “con sông Đà gợi cảm”, câu văn lại thư duỗi hết sức êm ả nghe như một tiếng hát ngân nga. Văn Nguyễn Tuân gồm chứa cả hai cực đó là cực thứ hai – cực trữ tình mềm mại và thắm đượm một thứ “mĩ học hoài cựu” độc đáo được thể hiện rất rõ trong đoạn văn từ câu “Thuyền trôi trên sông” đến câu... “khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên”.

Nội dung của đoạn văn là nói về vẻ thơ mộng của Sông Đà ở quãng trung lưu. Thác ghềnh lúc này chỉ còn lại trong nỗi nhớ. Thuyền được trôi êm và câu văn mở đầu vì thế cũng trở nên lâng lâng, mơ màng, không vướng víu với một thanh trắc nào: “Thuyền tôi trôi trên sông Đà”. Cái ý “lặng lẽ” được nhắc đi nhắc lại mấy lần theo một kiểu trùng điệp rất đặc thù của thơ: “Cảnh ven sông ở đây lặng lẽ, hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng lẽ như thế mà thôi”, nghĩa là không thể lặng lẽ hơn được nữa! Thiên

nhiên thật hài hòa và mang vẻ trong trẻo nguyên sơ, dành riêng cho con mắt nhìn “xanh non” của tác giả những hình ảnh kì thú: “Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm” Cảnh đã làm cho vị tình nhân của non nước Đà giang hết sức xúc động. Ông thấy cần phải nói thêm nữa để diễn tả cho cùng kiệt đặc tính của đối tượng: “Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa”. Những so sánh lạ lẫm, chính xác mà cũng thật Nguyễn Tuân! Nhà văn đã đi ngược thói quen, đem giải thích một đặc tính vốn đã khá trừu tượng bằng những khái niệm trừu tượng hơn nữa, khiến cho cảm giác trực tiếp bỗng mở ra những liên tưởng trùng trùng, bất ngát. Đi từ “*hoang dại*”, “*hồn nhiên*” là cái còn có thể cảm nhận được, đến “*tiền sử*” và “*nỗi niềm cổ tích ngày xưa*”, câu văn đã cập bờ siêu cảm giác, đòi hỏi người đọc phải tiếp nhận nó bằng siêu giác quan chứ không phải bằng giác quan bình thường. Trong câu tiếp theo: “Chao ôi, thấy thèm được giật mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ – Yên Bái – Lai Châu”, một mặt nhà văn bộc lộ thèm ước muốn có tiếng còi kéo mình ra khỏi mạng lưới vô hình mà quấn chặt của giấc mơ xưa, mặt khác tạo nên một cái cơ tuyệt diệu để biến cả một đoạn văn thành một bài thơ siêu thực mà trong đó giữa người với cảnh có sự tương thông rất đổi huyền nhiệm và cái hư phứt chốc biến thành cái thực: “Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ đừ trôi trên một mũi dờ. Hươu vỗn tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi mình bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “*Hỡi ông khách sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?*”

Người mơ cảnh cũng mơ, và cái thời điểm “ông khách sông Đà” bỗng nghe ra tiếng chú hươu gọi hỏi chính là đỉnh điểm của giấc mơ đó. Nhà văn đã khéo tạo được một giấc mơ ngay giữa ban ngày để rồi sau đó như sự tỉnh với tiếng động của “Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vọt biển”. Phút sự tỉnh cũng là phút nhà văn hiến cho độc giả một hình ảnh cực kỳ sống động mà ai được một lần thấy trong đời hẳn phải nhớ mãi. Bút pháp mượn cái động để tả cái tĩnh đã được vận dụng ở đây hết sức đắc địa. Cảnh tĩnh lặng đến mức chỉ tiếng cá quẫy cũng đủ khiến ta phải giật mình. Nhưng dưới ngòi bút Nguyễn Tuân, cái tĩnh không đồng nghĩa với sự phẳng lặng, đơn điệu mà vẫn luôn hàm chứa sự bất ngờ, vẫn không ngớt biến hóa. Theo con thuyền thả trôi, điểm nhìn của nhà văn liên tục di động và “di động” hơn nữa là cái nhìn của Nguyễn Tuân. Có vẻ như ông muốn học cách nhìn của “con hươu thơ ngộ”, “vỗn tai”, “nhìn không chớp mắt” những sự vật như hiện lên từ thế giới cổ tích, sau đó truyền sự bỡ ngỡ lại cho độc giả qua những từ dùng độc đáo, sáng tạo, kích thích rất mạnh giác quan và vốn ngôn ngữ của chúng ta: “*thơ ngộ*”, “*đầu nhung*”, “*áng cỏ sương*”, “*tiếng còi sương...*”. Vật nào cảnh nào được cây đũa thần của nhà văn động đến đều tựa quây, không chip ép mình làm một tiêu bản chết. Có lúc, Nguyễn Tuân như vượt qua lề luật của phép diễn đạt thông thường để viết: “Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi”. Có thể nói câu văn kia đã được viết theo bút pháp của hội họa “lập thể” mà mục đích của nó là muốn cùng một lúc thấy được sự vật ở nhiều chiều. Trước một nét miêu tả rất cô đọng như thế, ta không chỉ thấy mà còn nghe – thấy cái lấp lánh ánh bạc của bụng cá và nghe tiếng quẫy nước rộn ràng vang ngân.

Nguyễn Tuân là người hết sức nặng tình với con sông đất nước. Trong khi thường ngoạn vẻ đẹp thơ mộng của Sông Đà, trong ông dậy lên bao mối liên tưởng về lịch sử, dậy

lên cảm giác hàm ơn sâu xa đối với cổ nhân. Việc ông nhắc tới đời Lý, đời Trần, đời Lê và câu thơ của Tản Đà cho thấy rõ một thiên hướng bộc lộ cảm xúc rất đặc thù của người từng viết “*Vang bóng một thời*”. Nhưng trước vẻ “hoang đại” của bờ sông Đà, nhà văn cũng có những suy nghĩ mang tính tích cực của người công dân mới, mong cuộc sống hiện đại tỏa chiếu ánh sáng lên cả chốn sơn cùng thủy tận. “Tiếng còi sương” xuất hiện ở đây ngân xa như một khát vọng, nó hài hòa với cảm hứng lịch sử, tạo cho đoạn văn một vẻ đẹp vừa cổ kính, vừa hiện đại. Đối với Nguyễn Tuân, những cái gì mang trong nó hơi thở ấm áp của cuộc đời đều để thương, để nhớ, để lưu luyến cho ông. Trong những câu cuối của đoạn văn này, ông đã trải lòng mình ra với dòng sông, hóa thân vào nó để lắng nghe và xúc động: “Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thất mình dây cổ điển trên dòng trên”. Qua mỗi dặm đường đất nước, nhà văn đều thấy cảnh vật và con người gắn quyện với nhau rất chặt chẽ. Yêu sông Đà cũng chính là yêu Tổ quốc và yêu con người Việt Nam – những “đồng tác giả” của trăm vẻ đẹp từng làm đắm đuối lòng ta trên “trăm dáng sông xuôi” (ý thơ của Nguyễn Khoa Điềm).

Chỉ mới qua một đoạn trích ngắn ngủi, ta chưa có điều kiện thấy hết những đặc sắc của văn Nguyễn Tuân. Nhưng chừng ấy tưởng cũng đã đủ để ta quý trọng một tài năng, một tấm lòng, một Nguyễn Tuân – con người suốt cuộc đời đi tìm cái đẹp trong cuộc sống để sáng tạo nên những áng văn đẹp làm phong phú thêm đời sống tinh thần của độc giả.

Văn đề 2: MÙA LẠC

*“Đi ta đi khai phá rừng hoang
Hỏi núi non cao đâu sắt, đâu vàng”*
Nguyễn Khải

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ Bằng cảm hứng thế sự – đạo đức, Nguyễn Khải đã kể lại con đường đi của nữ nhân vật chính. Từ một số phận đầy éo le đau khổ, Đào đã tìm thấy hạnh phúc mới trên nông trường Điện Biên nhờ vào chính khát vọng và niềm tin yêu cuộc sống của chị. Nhưng quan trọng hơn là chị đã sống trong môi trường tập thể có những con người biết chia sẻ ngọt bùi; biết quan tâm và tạo điều kiện cho chị tìm được chỗ đứng chân chính để thay đổi cuộc đời mình.

2/ Trong thời kỳ 1955-1964, nhiều tác phẩm đã bám sát các phong trào để phản ánh kịp thời các chủ trương chính sách phục vụ cho công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc. Khác với những tác phẩm đó, “*Mùa lạc*” lại khai thác vấn đề lối sống, đạo đức, mối quan hệ của con người và con người trong cuộc sống mới. Nguyễn Khải có đề cập tới hiện thực và những chủ trương chính sách của một thời kỳ nhưng trung tâm sự chú ý của ông vẫn là vấn đề *số phận con người*.

B. LÀM VĂN

ĐỀ 1: Phân tích nhân vật Đào trong “*Mùa lạc*” của Nguyễn Khải.

Nhân vật Đào là nhân vật có cá tính được xây dựng khá thành công trong “*Mùa lạc*”. Tác giả đã giới thiệu ngoại hình, đã cho ta thấy lai lịch và số phận cũng như cho thấy sự chuyển biến trong tâm lí và trong tính cách của Đào từ khi lên nông trường Điện Biên...

Ở đầu truyện, bằng những nét vẽ khá tỉ mỉ, Đào đã xuất hiện bên máy tuốt lạc với Huân. Hai người này thật tương phản “một đôi bạn trái ngược nhau cả về hình thức lẫn tính nết”. Ở cạnh một thanh niên khỏe, trẻ và đẹp trai, Đào đã nổi bật sự “*thua thiệt*” về hình thức của mình.

VỀ ngoại hình Đào là “*người đàn bà ít duyên dáng*” cái “*thân người sồ sề*”, “*cặp chân ngắn*”, “*người thấp lùn*”, “*hai bàn tay có những ngón rất to, khuôn mặt thô và “thiếu hòa hợp*”, “*cái đầu nhọn*”, “*hai gò má đầy tàn nhang vẫn nhọn hoắt bướng bỉnh*” và cả cái cách “*hai tay chống vào cạnh sườn nhìn mọi người lơ láo*”.

Đây là người phụ nữ đã “*quá lúta lờ thỉ*”, bên cạnh những nét thô, thiếu duyên dáng thì Đào là người *không có nhan sắc*.

Nhưng ở Đào còn có những nét ngoại hình khác gây sự chú ý và nó phản ánh một *đời sống bên trong*, phản ánh tính cách *sắc sảo mạnh mẽ*. Nguyễn Khải đặc biệt miêu tả đôi mắt của Đào.

“*Hai con mắt hẹp và dài đưa đi đưa lại rất nhanh*”

“*Đôi mắt dài lông lánh của Đào liếc qua Huân*”

“*Chị quay sang nhìn mái tóc xanh mờ, ... cười mỉm*”

Quả là thông qua đôi mắt ta thấy Đào có cá tính không đơn giản, cuộc sống đã làm cho chị luôn ứng phó linh hoạt với các tình huống. Đôi mắt đó, vừa thông minh vừa ánh lên khao khát hạnh phúc. Và đôi mắt ấy cũng làm bật lên tính ghen tị, đanh đá khi “*nhìn người ta hạnh phúc*”: “*Đôi mắt hẹp của Đào loang loáng nhìn sang Duệ, cặp môi như muốn mím chặt lại, gò má càng đỏ lên đanh đá...*”

Quả là cái “*lông lánh*” sáng láng thông minh, đùa nghịch và thêm khát hạnh phúc khi liếc nhìn Huân nó khác xa với đôi mắt “*loang loáng*” như “*dao muốn bổ dọc cô Duệ vốn là người yêu của Huân...*” Chi tiết rất nhỏ nhưng cũng cho thấy Nguyễn Khải đã nhìn nhận mổ xẻ con người tinh vi đến mức nào. Yếu tố giới tính và cảnh ngộ của Đào đã tạo nên tính cách cho cô ta là: “*sống táo bạo và liều lĩnh, ghen tị với mọi người và hờn giận cho thân mình*”.

Ta cũng chú ý là khi miêu tả những nét xấu của Đào, Nguyễn Khải không có xu hướng phóng đại nó như Nam Cao miêu tả Thị Nở mà ông miêu tả có tính khách quan hơn và đặc biệt kết hợp giữa những yếu tố “*thô ráp*” và những yếu tố độc đáo “*có duyên*” của nhân vật này.

Thí dụ miêu tả đôi mắt hẹp dài thì đằng sau nó là “*lông lánh*” là “*loang loáng*” là “*liếc*” một cách rất sinh động gây chú ý.

Khi miêu tả “*hàm răng khểnh*” thì tác giả nhận xét “*luôn luôn đùa cợt*”. Khuôn mặt “*càng to nên thô, càng đồng dảnh*”.

Rõ ràng Đào không phải là con người nhàn nhạt, quá đơn điệu và càng không phải là một nhân vật biếm họa. Có cái gì đó ẩn chứa bên trong khiến cô ta trở nên là lạ, trở nên thu hút được sự chú ý của người khác và có nét “*hấp dẫn*” riêng. Cái tài của Nguyễn Khải là miêu tả khá kỹ chân dung nhưng không nhằm mục đích đồ họa mà cho thấy nhân vật hiện lên rõ nét trước mắt ta với cái vẻ sinh động như bản thân cuộc sống. Miêu tả chân dung mà cho ta thấy đời sống có cá tính bên trong của nhân vật.

Ngay trong buổi lao động với Huân, đôi nét tính cách của Đào đã được bộc lộ: dù rất mệt, đứng chung máy với một người khỏe trẻ và dẻo dai, nhưng Đào không chịu thua kém thanh niên!

Qua miêu tả ngoại hình và hành động ta thấy hé lên số phận Đào không có gì là bình lặng và suôn sẻ trong quá khứ.

Nguyễn Khải cũng rất thành công trong việc miêu tả ngôn ngữ đặc sắc của Đào. Chị “*thuộc lòng nhiều truyện thơ cổ, các câu ca, hát ví xưa, khi nói chuyện chị hay vận thành vần*” ví von; do đó kho tàng ca dao, tục ngữ luôn được dùng tự nhiên trong đối thoại.

Khi thì tâm sự với giọng đầy buồn tủi, hờn dỗi và chua cay.

“Trâu quá xá, mạ quá thì, hồng nhan bỏ bị còn gì là xuân hả các anh?”

Khi thì phản ứng ngay lập tức để chứng tỏ giá trị của mình, lời nói trở nên sắc nhọn, chua ngoa: *“Huê thơm bán một đồng mười, Huê tàn nhĩ rửa giá đôi lạng vàng. Giá đôi lạng vàng chút chưa vị tất đã bán đâu”*

Khi cần thì Đào nhún mình:

“Cái tuổi nó đuổi xuân đi. Nội nào vung ấy, em đã có bố cháu ở dưới xuôi rồi”

Sau khi giới thiệu nhân vật gây rất nhiều chú ý cho người đọc, Nguyễn Khải kể lại lai lịch và số phận “bảy nổi ba chìm” của Đào.

Đó là người phụ nữ: *“lấy chồng từ năm mười bảy tuổi, nhưng chồng cờ bạc nợ nần bỏ nhà đi”* sau đó chồng trở về, Đào có người con trai hai tuổi thì chồng chết. Và sau đó đứa con cũng mất, không nơi nương tựa, không người thân thích, Đào phải bươn bả để kiếm sống, *“đòn gánh trên vai, tới đâu là nhà, ngã đâu là giường”* không còn chút hi vọng gì ở tương lai. Cuộc sống cực nhọc ấy đã tàn phá nhan sắc của chị *“Mái tóc óng mượt ngày xưa qua năm tháng đã khô lại, đi như chết, hàm răng phai không thêm nhuộm, soi gương thấy gò má càng cao, tàn hương nổi càng nhiều”*. Đào *“muốn chết nhưng đời còn dài nên phải sống”*. Quả là thái độ bất cần đời, *“bốn bề là nhà, chỉ là thân mình sao cho cơm ngày hai bữa”* Chính vì thế mà *“chị sống táo bạo và liều lĩnh, ghen tị với mọi người, và hờn giận cho thân mình”* Chính vì thế mà chị *“ngang ngược”* có những cử chỉ khác thường *“tay chống cạnh sườn” “đứng khuỳnh tay”*... Những lời nói và hành động của chị như là một phản ứng hoàn cảnh, bởi chị đã quá lẩn lóc, quá cay đắng mùi đời!

Điều Nguyễn Khải khai thác và làm cho chúng ta đồng tình là ở người phụ nữ lỡ thời ấy vẫn có khát khao như bao người con gái khác.

“Chị muốn quên hết, lại ước ao mình được trẻ lại... một người có quyền được hưởng hạnh phúc như mọi người con gái may mắn khác”

Đào lên nông trường với tư tưởng buông xuôi của “con chim bay mãi cũng mỏi cánh, con ngựa chạy mãi cũng chồn chân, muốn tìm một nơi hẻo lánh nào đó, thật xa những nơi quen thuộc để quên cuộc đời đã qua, còn những ngày sắp tới chị cũng không cần rõ... có gặp nhiều đau buồn hơn”.

Thế nhưng khi ở với mọi người, nhất là gần Huân, con người luôn cảm thông với số phận của chị. Đào *“bình bình thêm muốn một cảnh gia đình hạnh phúc, lại hy vọng cuộc đời của mình chưa phải đã tới hẳn, một cái gì chưa rõ nét lắm nhưng đậm ấm hơn, tươi sáng hơn... Cứ lắp loé ở phía trước”*

Cần chú ý giọng trần thuật nhập thân vào ngôn ngữ bên trong của nhân vật đã có tác dụng làm sống lại những mong ước thầm kín của nhân vật.

Có thể nói từ khi lên nông trường nhằm để quên, nhưng chính cuộc sống lao động và những con người đầy lòng hữu ái đã làm cho Đào trở dậy những khao khát hạnh phúc vì Đào đã thay đổi cả tâm tính để rồi như một điều tất yếu, Đào tìm được hạnh phúc riêng trong cuộc đời ngỡ như quá muộn màng và thờ ơ với mình.

Bức thư ngỏ lời của “*ông thiều úy lò gạch*” – Dị – đã đến thật bất ngờ. Đào đã phản ứng như là sự tự vệ của con người luôn mặc cảm sợ người khác nhạo báng và xúc phạm, thế nhưng sau đó lòng chị “*êm đềm*” vui sướng kỳ lạ dào dạt không thể nén nổi khiến chị ngây ngất... đó là sự “*Thức tỉnh nỗi khao khát yêu thương, khao khát hạnh phúc mà chị cố hắt hủi*”. Chính hạnh phúc bất ngờ và ngọt ngào ấy đã làm chị phải tâm sự với Huân, người luôn “*có trách nhiệm với tin cần của người bạn gái mà anh vốn mến*”. Đoạn văn tả cảnh Đào gặp Huân đã cho thấy sự chuyển biến quan trọng trong tính cách của chị. Đào nói giọng nhỏ nhẹ, ngập ngừng. Từ cách xưng hô cho đến suy nghĩ về tương lai, về gia đình và cả những lo toan với đứa con chồng...

Đào đã thực sự là một người yêu, một người vợ, một người đàn bà, giàu nữ tính và biết tháo vát đảm đang để có khả năng xây dựng một tổ ấm tương lai. Đào đang sống thật với chính mình, “*chẳng ai ở vậy được suốt đời... chẳng ai muốn đi vất vưởng mãi, ai cũng muốn có một quê hương...*”

3/ Tình yêu và lao động luôn bện chặt với nhau trong sinh hoạt của nông trường. “Mùa lạc” quả là mùa vui của những lứa đôi hạnh phúc. “Mùa lạc” cũng làm nảy sinh và phát triển những tình cảm tốt đẹp giữa những con người với nhau. Không khí sinh hoạt trong lao động, giọng ca véo von của cô, ngọn gió mát của mùa thu, buổi chiều diễn văn nghệ bất ngờ, câu trả lời vừa nghịch vừa vui của Đào với Lâm và đặc biệt là Đào đã thấy gắn bó với những con người, gắn bó với mảnh đất nông trường như gắn bó với gia đình, với quê hương... Từ sự gắn bó, chị đã có những dự định những ước vọng về cuộc sống ngày mai...

Rõ ràng cuộc sống mới và con người mới đã cho ta những quan hệ hữu ái giai cấp. Nó là nguồn suối hạnh phúc tẩm gội cuộc đời của những số phận như Đào.

Văn đề 9: **RỪNG XÀ NU**

*“Một cây ngã cả rừng cây lại mọc
Người tiếp người đã mấy vạn mùa xuân...”*

Nguyễn Trung Thành

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1/ Chủ đề tác phẩm: Từ nỗi đau riêng của bản thân đến nỗi đau chung của xóm làng, dân tộc đã khiến Tnú quật khởi và dân làng Xô-man đồng khởi diệt giặc để tự cứu mình và góp phần giải phóng dân tộc.

2/ Hình ảnh cây xà nu và rừng xà nu trong truyện có tác dụng tạo nền cho câu chuyện. Bằng những hình tượng nghệ thuật có giá trị tạo hình, có ý nghĩa tượng trưng và bằng thủ pháp nhân hóa làm cho cây xà nu cũng như rừng xà nu hiện hình sống động trước mắt người đọc: “*Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão*”. Rồi “*... nhựa ứa ra, tràn trề... rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện lại thành từng cục máu lớn*”.

Thế nhưng “Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng”. Và có khi “cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây non mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”.

Bức tranh phong cảnh sống động như được khắc, được chạm thành đường nét chắc khỏe, những hình khối vững chãi với những màu sắc và mùi vị đặc biệt: “Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè, gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện lại thành từng cục máu lớn...”.

Cây xà nu là một loại cây đặc biệt sinh trưởng nơi núi rừng Tây Nguyên, là loại cây “ham ánh sáng mặt trời” như con người Tây Nguyên luôn vươn tới ánh sáng chân lí. Nó lại có sức sống vững bền: *Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn...*” như con người Tây Nguyên luôn quật khởi kiên cường. Cây xà nu, rừng xà nu đã gắn bó với con người Tây Nguyên tự bao đời nay, như một lẽ tự nhiên và khi cần “*rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...*” Ở một tầng nghĩa cao hơn, rừng xà nu tiêu biểu cho sức sống bất diệt, tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất của nhân dân Tây Nguyên. Các thế hệ cây xà nu nối tiếp nhau lớn lên tượng trưng cho các thế hệ dân làng Xô-man, nói rộng ra là các thế hệ nhân dân Việt Nam.

3/ Trong bối cảnh núi rừng hùng vĩ và trang nghiêm nổi lên bốn hình tượng nhân vật: Cụ Mết, Tnú, Dít, bé Heng. Mỗi nhân vật, dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Trung Thành, đều để lại trong lòng người đọc những ấn tượng đẹp và sâu sắc.

- Cụ Mết: là một “*già làng*” với hình dáng bên ngoài “*quắc thước*”, “*râu đã dài tới ngực và đen bóng, mắt vẫn sáng và xéch ngược*”; Ông ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn” – “Ông không bao giờ khen “*Tốt! Tốt!*” – Những khi vừa ý nhất ông chỉ nói “*Được!*”. Giọng nói của ông ồ ồ “*đội vang trong ngực*”.

Là một người giàu kinh nghiệm sống, lời nói của ông mang ý nghĩa chân lí: “*Chúng nó cầm súng, mình phải cầm giáo*”. Mệnh lệnh chiến đấu ông phát ra đơn giản và chắc nịch: “*Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên...*” Tinh cách của ông tiêu biểu cho tinh cách quật cường, bất khuất của dân tộc ta, tượng trưng cho lịch sử, cho truyền thống của dân tộc.

- Tnú: Mồ côi cha mẹ từ nhỏ, đi làm liên lạc cho cán bộ, anh vượt sông ở những quãng nước chảy xiết nhất, những chỗ mà giặc không ngờ. Bị giặc phục kích bắt được, Tnú nuốt thư vào bụng: *Cộng sản ở đây nè!* Bị giặc đốt mười ngón tay, Tnú không kêu. Anh cảm giặc đến “*mất cảm giác đau đớn*”. Nét gan góc đó chính là tinh thần dũng cảm, kiên cường của dân tộc.

- Dít: Cô em vợ Tnú. Cô cũng gan góc không kém gì Tnú. Giặc bắt cô đứng giữa sân, lên đạn bắn qua tai, qua tóc, cày đất quanh hai chân cô. Váy rách từng mảnh, Dít khóc. Nhưng đến viên thứ mười, cô đứng im, nhìn bọn địch bình thản. Khi chị của Dít là Mai bị giặc giết, Dít không khóc, không ngủ. Ngồi cho tới gà gáy, Dít đi giã gạo, gần đủ 30 lon gạo trắng cho Tnú mang đi.

Lớn lên, Dít làm công tác lãnh đạo, được quần chúng tin cậy vì cô bình tĩnh, gan dạ, giàu tình cảm mà có tính nguyên tắc. Khi nghe tin Tnú về, câu hỏi đầu tiên của cô về Tnú với giọng hơi lạnh lùng: “- *Ông chỉ về có giấy không?*”. Nhưng xem giấy xong, đưa trả lại cho Tnú rồi chị mới cười và đổi cách xưng hô:

- “*... Sao anh về có một đêm thôi ?*”

Cả Tnú và Dít đều tượng trưng cho lực lượng chủ chốt trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện tại, là sự tiếp nối tự nhiên trong lịch sử đấu tranh của dân tộc.

- Bé Heng: là thế hệ đàn em, là hình ảnh hôm qua của Tnú. Bé Heng hồn nhiên, tươi mát, sống động, đáng tin tưởng của tương lai. Hình tượng nhân vật này hứa hẹn một sự phát triển không ngờ sau này. Đó là thành phần kế tục sự nghiệp cách mạng của cha ông.

B. LUYỆN TẬP

ĐỀ 1: Phân tích nhân vật Tnú trong “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành.

ĐỀ 2: Phân tích hình tượng cây xà nu trong truyện “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành.

*** Gợi ý**

ĐỀ 1: Tnú là nhân vật trung tâm của truyện. Cuộc đời của Tnú tiêu biểu cho số phận và con đường của các dân tộc Tây Nguyên, từ trong đau thương, phần uất, quật khởi vùng dậy chiến đấu.

- Tnú là một nhân vật có tính cách: gan góc, táo bạo, trung thực, dũng cảm (cùng với Mai vào rừng tiếp tế cho anh Quyết). Đặc biệt, Tnú có lòng căm thù giặc sâu sắc, nhất mực trung thành với cách mạng (khi địch tra hỏi cộng sản ở đâu, Tnú đặt tay lên bụng mà nói “Ở đây này”).

- Xây dựng nhân vật Tnú, tác giả tập trung miêu tả hình ảnh đôi bàn tay. Bàn tay như một chi tiết nghệ thuật thể hiện tính cách, qua bàn tay có thể thấy được cuộc đời, số phận và tính cách nhân vật.

Khi còn lành, bàn tay Tnú cầm phấn viết chữ anh Quyết dạy cho. Khi học hay quên chữ, bàn tay đó dám cầm đá đập vào đầu mình để trừng phạt. Bàn tay đặt lên bụng mình mà nói: “*Cộng sản đây này!*”. Khi địch tra khảo, sẵn sàng nhận thêm những vết dao chém của kẻ thù lên lưng v.v...

Hai bàn tay Tnú đã bị giặc quán giẻ tẩm dầu xà nu rồi đốt. Mười ngón tay anh thành mười ngọn đuốc. Nguyễn Trung Thành (đã miêu tả thật cụ thể cái cảm giác đau đớn rừng rợn ấy: “*Anh không cảm thấy lửa ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi*”). Hai bàn tay Tnú, mỗi ngón chỉ còn hai đốt. Hai bàn tay cụt ngón đó là chứng tích đầy căm hận, là mối thù mà suốt đời anh phải trả. Mười ngọn đuốc nơi mười ngón tay Tnú đã châm bùng lên ngọn lửa đồng khởi của dân làng Xô-man. Và bàn tay của Tnú bị lửa thiêu cháy, mỗi ngón tay còn hai đốt ấy vẫn cầm chắc ngọn giáo, cây súng đi tìm giặc để trả thù. Đến cuối truyện, hình ảnh bàn tay Tnú đã bóp chết tên chỉ huy đồn giặc ngay trong hầm ngầm cố thủ của nó.

- Hình tượng Tnú, với cuộc đời và số phận đầy bi tráng đã thể hiện cụ thể mâu thuẫn không đội trời chung giữa những người dân cách mạng Tây Nguyên với lũ giặc độc ác, man rợ, đã cắt nghĩa sâu sắc lí do tại sao người Tây Nguyên (và cả đất nước Việt Nam trong thời đại chống Mĩ) lại vùng dậy như thác đổ bão lay, quyết chiến đấu để bảo vệ hạnh phúc riêng tư và hạnh phúc cộng đồng.

ĐỀ 2: “*Rừng xà nu*” là một truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Trung Thành và của văn học thời chống Mĩ. Trong tác phẩm, với hình tượng cây xà nu, Nguyễn Trung Thành đã làm nổi rõ khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, một đặc điểm cơ bản của văn học

Việt Nam giai đoạn 1945-1975. Khuynh hướng này đã chi phối sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn trong giai đoạn văn học này.

Độc “*Rừng xà nu*” những nhân vật như cụ Mết, Tnú, Dít, Mai... tạo nên ấn tượng sâu sắc nơi độc giả. Nổi bật hình ảnh cây xà nu được lặp đi lặp lại gần hai mươi lần một hình tượng đặc sắc bao trùm toàn bộ thiên truyện ngắn này. Hình tượng ấy đã tạo nên vẻ đẹp hùng tráng, chất sử thi và lãng mạn cho câu chuyện về làng Xô-man bất khuất, kiên cường. Qua tác phẩm, cây xà nu, rừng xà nu đã được Nguyễn Trung Thành miêu tả thật cụ thể, thật chi tiết với ngôn ngữ giàu chất thơ, bằng những “lời văn có cánh” trong một cảm xúc thật say mê và mãnh liệt. Cây xà nu trong truyện xuất hiện rất nhiều lần và dường như rất quen thuộc với con người nơi núi rừng Tây Nguyên, nó tham dự vào tất cả những sinh hoạt, những tâm tình, những buồn vui của người dân nơi đây trong cuộc chiến đấu chống Mĩ thật anh dũng của họ.

Tác phẩm “*Rừng xà nu*” là một bản anh hùng ca về cuộc đời anh dũng, đau thương, bất khuất của Tnú cũng như của tất cả dân làng Xô-man. Câu chuyện ấy được kể trên nền tảng chính của hình tượng cây xà nu – một hình tượng hàm chứa rất nhiều ý nghĩa tượng trưng và khái quát. Những cây xà nu, rừng xà nu như những con người, những tâm hồn sống, vừa là nhân chứng, vừa tham gia bản anh hùng ca, cũng vừa chịu đựng mọi vất vả, đau thương dưới tầm đạn kẻ thù. Nhưng bất chấp tất cả, rừng xà nu vẫn tràn đầy sức sống, vẫn vươn mình lên cường tráng, vượt lên mọi thương đau. Cây xà nu là một hình ảnh mang tính chất tượng trưng cho khát vọng tự do, khát vọng giải phóng, cho phẩm chất anh hùng và sức sống tiềm tàng mãnh liệt của dân làng Xô-man.

Mở đầu câu chuyện là hình ảnh “*cả rừng xà nu hàng vạn cây*” và kết thúc vẫn là “*những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời*”. Hình ảnh ấy như một nét nhạc trầm hùng, một bản đàn dạo, là cái “*phông*” cho cả một câu chuyện khiến thiên truyện càng mang đậm tính sử thi và lãng mạn hơn. Rừng cây xà nu được xem như là biểu tượng cho con người Xô-man. Với hình ảnh nhân hóa, Nguyễn Trung Thành đã miêu tả cây xà nu như những con người, chúng cũng có “*vết thương*”, biết “*ham ánh sáng*” và “*ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng*”. Cây xà nu còn là một hình ảnh so sánh với con người “*ngực căng bằng cây xà nu*”. Rừng xà nu năm tháng đứng dưới tầm đại bác kẻ thù chịu đựng biết bao tàn phá, cũng như những đau thương mà dân làng phải gánh chịu trước ách kìm kẹp của giặc. “*Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương*”. “*Cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình nhũn ứa ra, tràn trề*”... rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”. Hình ảnh đó gợi lên lòng căm thù và kết tụ một ý chí phản kháng.

Nhưng hơn hết vẫn là sức sống mãnh liệt đầy sức trẻ của rừng xà nu bạt ngàn. “*Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời*”, “*có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê*” “*nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh sáng*”. Thế mới biết sức trẻ của cây xà nu mãnh liệt đến dường nào! Sức trẻ ấy còn mang tính tượng trưng cho thế hệ trẻ của làng Xô-man. Đó là những Mai, Dít, Tnú, Heng, những con người luôn gắn bó với cách mạng, bất khuất từ tuổi thơ, lớn lên trong lửa đạn, trưởng thành trong đau thương và sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì tự do của dân tộc.

Bên cạnh đó, sức sống bất khuất kiên cường của cây xà nu còn được tạo bởi hàng vạn cây ở những đồi xà nu nối tiếp nhau tới chân trời ở tấm ngực lớn của rừng ưỡn ra che

chở cho làng. Đó là những cây xà nu thật vững chắc, xanh tốt đã vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum suê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng chúng vượt lên rất nhanh thay thế những cây đã ngã”, một cây ngã xuống tức thì bốn năm cây con lại mọc lên cứ thế trở thành cả một rừng cây xà nu nối tiếp đến chân trời. Những cây xà nu, rừng xà nu ấy là hình ảnh của dân làng Xô-man kiên cường chống giặc, bất chấp mọi hi sinh, một lòng đi theo Đảng, đi theo kháng chiến hết thế hệ này đến thế hệ khác. Đó là những cụ Mết, anh Xút, Tnú, Mai, Dít, anh Bơi... mà tiêu biểu là hình ảnh cụ Mết. Nhà văn đã ví cụ “như một cây xà nu lớn”. Hơn ai hết, cụ là người hiểu rất rõ sự gắn bó của cây xà nu và mảnh đất đang sống, hiểu được sức mạnh tiềm tàng bất khuất của rừng xà nu cũng như của dân làng Xô-man. Chính cụ Mết đã nói với Tnú “không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta” “cây mẹ chết cây con lại mọc lên”.

Cây xà nu còn là người chứng kiến sự giác ngộ, sự hi sinh thầm lặng, lòng dũng cảm và ý chí quật khởi của dân làng Xô-man. “Đứng trên đồi cây xà nu gần con nước lớn, cả vùng Xô-man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng”. Ánh lửa xà nu soi sáng lời căn dặn của anh Quyết: “Người còn sống phải chuẩn bị dao, mác, vựa, rựa, tên, nỏ... Sẽ có ngày dùng tới”. Lửa xà nu thử thách ý chí cũng như lòng can đảm của Tnú: “Không có gì đượm bằng nhựa cây xà nu... Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc... máu anh mặn chát ở đầu lưỡi...”.

Giọng điệu sử thi của “Rừng xà nu” bắt đầu từ câu chuyện kể của cụ Mết dưới ánh lửa xà nu, một câu chuyện phẳng phất phong vị anh hùng ca. Và cây xà nu không chỉ gắn với quá khứ, hiện tại anh hùng mà còn gắn bó với mọi sinh hoạt, phong tục và đời sống văn hóa của người Xô-man, của các dân tộc Tây Nguyên.

Hình tượng cây xà nu thật sự là một sáng tạo nghệ thuật đáng kể của Nguyễn Trung Thành. Nhà văn đã lựa chọn hình ảnh cây xà nu và đem lại cho nó những ý nghĩa mới những lớp ý nghĩa rất khác nhau qua cách viết vừa gợi vừa tả của tác giả. Qua hình tượng này người đọc không chỉ thấy rõ sức sống kiên cường, mãnh liệt của dân làng Xô-man, của con người Tây Nguyên nói riêng mà còn là của dân tộc Việt Nam nói chung trong những tháng năm chống Mĩ.

Vấn đề 4: MẢNH TRĂNG CUỐI RỪNG

“Trường Sơn Đông nắng, Tây mưa
Ai chưa đến đó như chưa rõ mình...”

Nguyễn Minh Châu

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

Tác giả đã kể lại một câu chuyện tình. Nhưng “nơi gặp gỡ của tình yêu”, này là một tình huống đặc biệt tạo nên sự độc đáo cho truyện.

Sự gặp gỡ của Lãm (người lái xe quân sự) và Nguyệt (người công nhân làm đường) trên một quãng đường rừng đầy bom đạn và hiểm nguy là một điều bất ngờ. Bởi hai người này chưa hề gặp mặt, chỉ gặp nhau, đính ước với nhau thông qua sự mai mối của chị Tính, chị của Lãm người cùng tổ với Nguyệt. Anh lái xe ngồi cạnh người tình của mình trên một đoạn đường chiến tranh mà hồ nghi không biết có thực không. Nhưng cũng trên đoạn đường đó phẩm chất của Nguyệt đã làm thay đổi định kiến của Lãm, khiến anh “lòng dậy lên một tình yêu Nguyệt gần như mê muội lẫn cảm phục”.

Tình huống quả là ngẫu nhiên, bởi vì chiến tranh bao nhiêu bất thường có thể xảy ra. Nhưng diễn tiến của truyện lại rất tự nhiên không giả tạo. Chính nhân vật người kể chuyện ở đây là Lâm cho nên nó tạo nên giọng điệu thích hợp với chủ đề có tính trữ tình này. Tình huống này tạo cho người đọc tâm lí phấp phỏng, dự đoán, và họ rất tò mò muốn biết thực chất của sự gặp gỡ. Có một cơ hội để giải tỏa là “*hỏi thăm cô ta có biết chị Tinh hay không?*” Nhưng Lâm lại “*không muốn hoặc không dám hỏi*”. Và chính vì thế nhân vật Lâm (và cả người đọc) “*phải phân vân*” nó “*xoáy trong óc như một cái dùi nung đỏ bỏng rát*”.

Chính cái tình trạng mơ hồ ấy làm cho câu chuyện thành “*mảnh trăng cuối rừng*” thật huyền ảo.

B. LÀM VĂN

ĐỀ 1: Phân tích vẻ đẹp lãng mạn – trữ tình trong “*Mảnh trăng cuối rừng*” của Nguyễn Minh Châu.

*** Bài làm**

I. “*Mảnh trăng cuối rừng*” là truyện ngắn hay nhất của Nguyễn Minh Châu trong những năm chống Mỹ. Truyện khá tiêu biểu cho những đặc điểm bút pháp của nhà văn trong giai đoạn trước 1975 và cũng mang những đặc điểm chung của văn học ta giai đoạn ấy. Truyện ngắn này đã được đưa vào nhiều tuyển tập truyện ngắn Việt Nam, đã được nhà nghiên cứu N. I. Nicolin (Nga) giới thiệu trong bài “*Cuộc chiến tranh giải phóng và truyện ngắn Việt Nam hiện đại*” (Tập chí các dân tộc Á-Phi, tháng 4 năm 1973)

II.

1/ Phân tích truyện ngắn này cần lưu ý đến tình huống truyện, đây là một thành công của nghệ thuật truyện ngắn “*Mảnh trăng cuối rừng*”

Truyện kể về một cuộc gặp gỡ của một người lái xe quân sự với một cô công nhân giao thông đi nhờ xe anh trên đoạn đường chiến tranh. Điều ngẫu nhiên lý thú là cô gái ấy chính là người đã đính ước vắng mặt với anh (qua sự giới thiệu của người chị gái của anh ở cùng đội với cô). Hai người đang đi đến chỗ hẹn để gặp nhau. Nhưng vốn họ chưa một lần gặp nhau, nên qua câu chuyện, người lái xe chỉ có thể phỏng đoán rằng cô gái là người đã hẹn ước với mình. Suốt dọc đường, trải qua nhiều khó khăn nguy hiểm. Cô gái đã bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp, làm thay đổi sự nhìn nhận về cô của người lái xe. Họ không gặp được nhau ở chỗ hẹn vì những trắc trở của chiến tranh, nhưng cô gái đã để lại những tình cảm sâu sắc và niềm hạnh phúc cho chàng trai.

Tình huống truyện mang tính ngẫu nhiên, nhưng sự sắp đặt của tác giả khá tự nhiên, không giả tạo. Cái ngẫu nhiên ở đây cũng mang tính quy luật: trong chiến tranh từng có biết bao tin hướng lạ lùng, những cuộc gặp gỡ bất ngờ. Hơn nữa, các tình tiết xếp đặt của tác giả đều khá hợp lý (về nguyên do của những cuộc gặp gỡ: bức thư của người chị, chuyển đi công tác kết hợp việc riêng của anh lái xe). Tác giả cũng giữ cho người đọc và người kể chuyện ở trong tâm trạng phấp phỏng, dự đoán không biết rõ ràng cô gái đi nhờ xe có phải là người đã đính ước không. Có một khả năng diễn biến câu chuyện có thể phá vỡ sự “*mơ hồ*” ấy, nhưng nó đã được loại bỏ đúng với quy luật tâm lý (người lái xe chỉ cần hỏi về chị Tinh là có thể rõ mọi chuyện, nhưng anh không dám và cũng không muốn hỏi điều đó, chưa muốn để cô gái biết rõ về mình). Chính tình trạng có vẻ mơ hồ không rõ ràng ấy lại là cái

hấp dẫn riêng của câu chuyện thêm nữa, trong hoàn cảnh ấy, nữ nhân vật chính có thể bộc lộ tự nhiên về mình.

2/ Phân tích nhân vật trung tâm: Cô Nguyệt, nhân vật này được miêu tả qua sự quan sát, nhận xét và lời kể của nhân vật người lái xe (người kể chuyện), và hiện ra theo hành trình của chuyến đi. Vì vậy phân tích nhân vật Nguyệt nên theo trình tự cốt truyện và trong mối quan hệ với cách nhìn nhận của nhân vật kể chuyện.

Đầu tiên, cô gái xuất hiện trong xe để đi nhờ đặt anh lái xe vào tình thế “việc đã rồi” (người phụ lái đã nhận cho cô gái đi nhờ). Người lái xe đã hình dung ra một cảnh tượng quen thuộc với một thái độ không mấy thiện cảm: “*một bên là cái vẻ nũng nịu của một cô nàng ôm chiếc nón trắng đứng sát cửa xe, một bên là những câu hỏi ồm ồm của “anh tài phu” ... đang ngồi vắt vẻo trong buồng lái...*”. Tiếp đó, cô gái xuất hiện qua những lời đối thoại đã khiến người lái xe “*phát hoảng lên*” “*vì cái cách con gái ăn nói đối đáp bạo dạn nhường ấy*”, nhưng anh vẫn nhận ra “*tiếng nói trong trầm và rất bình tĩnh, cứng cỏi nữa là khác*”.

Đến đây, mạch truyện chính tạm dừng lại để tác giả kể câu chuyện của người lái xe với một cô công nhân đã tự nguyện ước hẹn với anh. Mạch truyện này gợi cho người đọc nghĩ đến sự trùng hợp của hai câu chuyện tạo ra sự chú ý, phỏng đoán về cô gái đi nhờ xe. Theo từng chặng đường của cuộc hành trình, cô gái dần dần bộc lộ những nét phẩm chất tính cách cao đẹp. Cô gái hiện ra với vẻ đẹp giản dị và mát mẻ “*nhu sương núi tỏa ra từ nét mặt, lời nói và tấm thân mảnh dẻ, khác hẳn với nhiều cô gái công trường thường cô nào cũng thấp và dầy dờ*”, đã gây được sự chú ý với nhiều thiện cảm của người lái xe. Khi biết tên cô là Nguyệt, người đọc (và nhân vật kể chuyện) liên tưởng đến người con gái đã ước hẹn với anh lái xe. Nhưng tác giả đã dùng một chi tiết tạo ra sự mơ hồ không thể khẳng định, để người đọc tiếp tục phỏng đoán và chờ đợi giải đáp rõ ràng (chi tiết có ba cô Nguyệt ở trong đội công nhân trong đó một cô vừa hy sinh). Từ đây, thái độ của người lái xe với Nguyệt đã chuyển biến rõ rệt.

Cần chú ý là từ đây, xuất hiện hình tượng ánh trăng trên con đường rừng đêm như sóng đôi với hình ảnh cô Nguyệt: “*Từ đầu hôm, tôi vẫn đi giữa đêm trăng mà không biết*”, “*Xe tôi chạy trong lớp sương bông bành. Mảnh trăng khuyết đứng yên ở cuối trời, sáng trong như mảnh bạc. Khung cửa xe phía cô gái ngồi lồng đầy bóng trăng*”, “*Trăng sáng soi thẳng vào khuôn mặt Nguyệt làm cho khuôn mặt tươi mát ngời lên và đẹp lạ thường*”... có thể nói ánh trăng như một phần của hình ảnh cô Nguyệt làm nhân vật này mang một vẻ đẹp vừa tươi mát, dịu dàng vừa kì ảo, lung linh.

Ở phần sau của truyện, khi chiếc xe gặp nhiều thử thách trên đường (đường đi ngày càng xấu, đen tối, qua hầm, máy bay địch ném bom tọa độ) thì nhân vật Nguyệt càng bộc lộ phẩm chất và tính cách cao đẹp. Cô chủ động, bình tĩnh, tự tin và dày dặn kinh nghiệm xử lý các tình huống khó khăn, quên mình để cứu xe, dành phần nguy hiểm về mình, nhường chỗ an toàn hơn cho anh lái xe. Trong ánh chớp của lửa của đạn bom, hình ảnh Nguyệt hiện ra thật rạng rỡ, cao cả. Ở phần kết thúc truyện, khi người lái xe biết chắc chắn cô gái đi nhờ xe chính là người con gái đã đính ước với mình thì hình ảnh Nguyệt càng đẹp hơn trong một nét phẩm chất: tình yêu thủy chung và niềm tin trong sáng vào cuộc sống, khiến người kể chuyện xúc động đến nghẹn ngào: “Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình

yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn đời xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?

Nhân vật Nguyệt đang xây dựng theo cách ngày càng bộc lộ những phẩm chất cao đẹp và cuối cùng hiện ra trong vẻ đẹp toàn vẹn, cùng với quá trình ấy sự biến chuyển trong thái độ tình cảm của nhân vật kể chuyện về cô.

3/ Chất trữ tình và màu sắc lãng mạn là đặc điểm nổi bật của truyện ngắn này. Đó vừa là một ưu điểm đồng thời cũng là một nhược điểm của truyện. Chủ đề tình yêu chung thủy hòa nhập với chủ đề về chiến công anh hùng. Các nhân vật đều bộc lộ những phẩm chất cao quý, những suy nghĩ trong sáng, niềm tin vào cuộc sống, những phẩm chất mang tính lý tưởng. Nhà nghiên cứu văn học N.I.Nicolin đã có nhận xét về truyện ngắn này: “Nhà văn thời ấy đã khá triệt để trong việc thi vị hóa nhân vật. Đây vừa là chỗ mạnh của anh vừa là chỗ yếu: niềm tin vào chất bất khả chiến bại của cái đẹp tinh thần, của cái thiện đã được khúc xạ ở chỗ anh đã “tắm rửa sạch sẽ” các nhân vật của mình, họ giống như được bao bọc trong một bầu không khí vô trùng”. (Lời bạt tập truyện Người đàn bà trong chuyến tàu tốc hành dịch sang tiếng Nga – NXB Cầu vồng, M.1987).

Chất trữ tình cũng bộc lộ trong những bức tranh thiên nhiên, đặc biệt là hình tượng ánh trăng mang vẻ đẹp lãng mạn được trở đi trở lại như một nét chủ đạo tạo ra một màu sắc riêng cho không gian của câu chuyện mang vẻ huyền ảo, trong đó các nhân vật hiện ra với vẻ đẹp hoàn thiện. Hình tượng ánh trăng như một mô típ chủ đạo, có quan hệ mật thiết với nhân vật chính và tên của nhân vật (Nguyệt) từ đó chúng ta hiểu được ý nghĩa hàm ẩn của tên tác phẩm: Mảnh trăng cuối rừng.

Đề 2: Nguyễn Minh Châu khi nói về cảm hứng sáng tác của mình, đã cho rằng: “Mỗi con người đều chứa trong lòng những nét đẹp đẽ, kỳ diệu đến nỗi cả một đời người cũng chưa đủ nhận thức, khám phá tất cả những cái đó”. Anh, chị hãy tìm hiểu những nét đẹp đẽ, kỳ diệu đó của nhân vật Nguyệt khi phân tích Mảnh trăng cuối rừng của Nguyễn Minh Châu.

* Bài làm

I. Viết Mảnh trăng cuối rừng cũng như những tác phẩm khác trước năm 1975, Nguyễn Minh Châu đã cố gắng tìm cái hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người. Đó là chủ ý sáng tác của Nguyễn Minh Châu qua việc xây dựng nhân vật chính diện. Nhà văn có lần phát biểu: Mỗi con người đều chứa trong lòng... (dẫn đề).

Nhân vật Nguyệt trong truyện ngắn Mảnh trăng cuối rừng của Nguyễn Minh Châu đã chứa trong lòng những nét đẹp đẽ, kỳ diệu nào?

II. A. NÉT KỲ DIỆU CỦA TÌNH YÊU

1/ Câu chuyện được xây dựng trong một tình huống đặc biệt. Trên đường đi. Lãm, người lái xe, gặp cô gái mà thật ra đã đính hôn vắng mặt với anh. Cô gái tên Nguyệt đã biểu hiện lòng dũng cảm khi cùng Lãm cứu chiếc xe quân sự ra khỏi vùng bom đạn. Chàng trai chỉ lơ mơ đoán rằng cô ở cùng chỗ với vị hôn thê của mình. Rồi họ chia tay trong niềm lưu luyến. Nhưng giữa họ đã nảy nở một tình mến yêu cao thượng và trong sáng.

2/ Cô gái tên Nguyệt, nhân vật trung tâm của truyện, có một vẻ đẹp giản dị và mát mẻ như sương núi toát ra từ nét mặt, lời nói (...). Cô ta mặc áo xanh chít hông vừa khít, mái tóc dày kết thành hai dải, đôi gót chân hồng hồng (...) khuôn mặt lộng lẫy đầy ánh trăng. Vẻ

đẹp thanh thoát đó đối lập với cảnh lửa đạn ác liệt, tang tóc giữa tuyến đường giao thông quân sự.

3/ Nét kỳ diệu của tình yêu:

+ Như đã nói, người con gái yêu Lãm qua lời giới thiệu của chị ruột của Lãm. Dù chưa một lần biết mặt anh. Nhưng nàng đỉnh ninh giữ bên lòng hình ảnh một người con trai chưa hề gặp và chưa hứa hẹn điều gì.

+ Khi họ gặp nhau, nét kỳ diệu của người con gái dần tỏa sáng. Tác giả đã mượn lời nhân vật Lãm – ngôi thứ nhất trong truyện – để nói lên nét kỳ diệu ấy và nhà phê bình Nguyễn Văn Long đã phân tích:

Đến đây là giây phút trọng yếu nhất với anh lái xe đã xảy ra, ánh trăng từ bên ngoài đã nhập vào trong cửa xe và hòa nhập với hình ảnh cô gái. “khung cửa xe phía cô gái ngồi, lồng lộng đầy bóng trắng” đến nỗi từng sợi tóc của cô cũng sáng lên. “Lúc ấy, như có một niềm tin vô cơ mà chắc chắn từ trong không gian vừa mới tràn ngập cả lòng tôi. Tôi tin chắc người con gái ngồi cạnh mình là Nguyệt, chính người mà chị tôi thường nhắc đến”. Đúng vào lúc ấy, trong tâm trạng ấy, anh đã nhận ra được vẻ đẹp lạ lùng của cô gái – vẻ đẹp của tâm hồn, tâm linh hiện ra hòa vào vẻ đẹp của chân dung, khuôn mặt ngời lên trong ánh trăng. Trăng sáng soi cả vào khuôn mặt Nguyệt, làm cho khuôn mặt tươi mát ngời lên vẻ đẹp lạ thường (...). Đó quả là một giây phút kỳ diệu, khi anh nhìn ra được vẻ đẹp lạ thường và sâu thẳm của người con gái ở bên anh, giây phút ấy sẽ in dấu trong tâm linh của anh, theo anh đi mãi trong cuộc đời...

II. B. NÉT ĐẸP ĐẸ CỦA TÂM HỒN, CỦA NIỀM TIN

1/ Nét đẹp của tâm hồn

Phần giữa truyện diễn ra trong cảnh đêm đang chuyển dần về sáng, trăng đã lặn, chiếc xe đi giữa bóng đêm đặng đặc. Một nét đẹp khác toát lên từ ý nghĩ, hành động của Nguyệt.

Đáng lẽ Nguyệt xuống ngang quãng trạm gác bến ngầm ở ngã ba, nhưng cô muốn tôi đưa tiếp sang bên kia sông... Cô cười, nói đùa:

III. *Anh cho em đi nhờ xe, lúc khó khăn lại bỏ anh ư?*

Sau đó, Nguyệt chủ động dẫn đường cho Lãm đưa xe vượt đoạn đường ngầm thật vất vả và “đứng bám trên cánh cửa hướng dẫn cho tôi đi đứng giữa hai hàng cọc tiêu, rồi vội nhảy ùm xuống nước (...) nhanh nhẹn lội phăng sang bên kia bờ giúp tôi cột dây tời vào một gốc cây...”

2/ Nét đẹp của niềm tin

Trong lửa đạn, tâm hồn Nguyệt tỏa sáng một nét đẹp khác, đó là lòng hy sinh, là chủ nghĩa anh hùng. Giữa lúc máy bay địch tấn công, Nguyệt đẩy tôi ngã vào một vật gì rất cứng và sâu (...) giữa một cái khe chỉ vừa một người, hai bên là hai gốc cây to, Nguyệt đang nấp ở phía ngoài.

- Lời thét của Nguyệt giữa bom đạn mịt mù quả là mang một âm vang, một ý nghĩa kỳ diệu: “Anh bị thương thì xe cũng mất, anh cứ nấp đó”.

- Vết thương trên vai Nguyệt càng làm cho nét đẹp tâm hồn nàng rực rỡ hơn. Lãm đến phút cuối cùng vẫn không hết ngạc nhiên, ngỡ ngàng và tự hỏi: “Trong tâm hồn người con gái nhỏ bé, tình yêu và niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống, cái sợi chỉ xanh óng ánh ấy, bao nhiêu bom đạn giội xuống cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi ư?”

III. Nguyễn Minh Châu có khát vọng khám phá, nhận thức những cái đẹp đẽ, kỳ diệu trong mỗi con người. Đó là ngọn nguồn của tính lạc quan, cái nhìn đôn hậu của tác giả đối với cuộc sống tâm hồn nhân vật Nguyệt chứa đựng những nét đẹp đẽ, kỳ diệu tượng trưng cho tâm hồn của hàng triệu thanh niên nam nữ trong thời chiến tranh chống Mỹ:

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Tuổi xuân không tiếc, tiếc chi đời” (T.H)*

* * *